

Số: 243/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 16 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định tổ chức và hoạt động của cụm,
khởi thi đua trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

*Căn cứ Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính
phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;*

*Căn cứ Hướng dẫn số 1479/HD-BTĐKT ngày 25 tháng 7 năm 2016 của Ban
Thi đua - Khen thưởng Trung ương về tổ chức cụm, khởi thi đua của các tỉnh, thành
phố trực thuộc Trung ương và đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”, Cờ thi đua
cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 30/TTr-SNV ngày 31
tháng 01 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tổ chức và hoạt động của cụm, khởi thi đua trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 21/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định tổ chức và hoạt động của cụm, khởi thi đua trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Hướng dẫn số 165/HD-UBND ngày 28/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về hoạt động và tổ chức bình xét khen thưởng của các cụm, khởi thi đua trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn và Công văn số 6809/UBND-TH ngày 06/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi nội dung của Hướng dẫn số 165/HD-UBND ngày 28/3/2019 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc Tỉnh ủy, các đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy; các sở, ban, ngành và tương đương; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể cấp tỉnh, hội cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Giám đốc các doanh nghiệp tham gia các khôi thi đua của tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đăng Bình

QUY ĐỊNH

Về việc tổ chức và hoạt động của cụm, khối thi đua trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

(Ban hành kèm theo Quyết định số 243/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, yêu cầu

1. Việc quy định tổ chức hoạt động các cụm, khối thi đua nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước và công tác khen thưởng trên địa bàn tỉnh; phát huy tinh thần trách nhiệm của các đơn vị, địa phương trong chỉ đạo, tổ chức các phong trào thi đua yêu nước làm cơ sở cho việc lựa chọn các tập thể xuất sắc tiêu biểu trong phong trào thi đua để xét tặng Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh và Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh hàng năm đảm bảo kịp thời, chính xác, đúng quy định. Đồng thời phổ biến nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố mới để các đơn vị, địa phương khác trong toàn tỉnh noi gương học tập.

2. Việc bình xét thi đua và khen thưởng phải dựa trên tiêu chí cụ thể, đảm bảo đúng nguyên tắc theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành. Khen thưởng phải đảm bảo tính chính xác, đúng thành tích, công khai, công bằng, kịp thời, chặt chẽ, tránh hình thức, để thi đua, khen thưởng thực sự là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức

1. Tổ chức cụm, khối thi đua trên cơ sở các quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, của tỉnh; dựa trên đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc Tỉnh ủy, các đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy; các sở, ban, ngành và tương đương; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể cấp tỉnh, hội cấp tỉnh; lực lượng vũ trang; các doanh nghiệp Trung ương, địa phương; các huyện, thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức kinh tế), cũng như đặc điểm, tình hình thực tế của tỉnh để phân chia cụm, khối thi đua cho phù hợp.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức kinh tế tham gia các cụm, khối thi đua trên địa bàn tỉnh trên tinh thần tự nguyện, đoàn kết, hợp tác, hỗ trợ cùng phát triển; tạo sự đồng thuận cao trong các hoạt động của cụm, khối thi đua, góp phần phát triển phong trào thi đua yêu nước trong toàn tỉnh.

3. Mỗi cụm, khối thi đua phải có ít nhất từ 05 đơn vị tham gia trở lên; việc sắp xếp các đơn vị vào các cụm, khối thi đua cần đảm bảo tính hợp lý, phù hợp thực tiễn để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức phong trào thi đua, xây dựng điển hình tiên tiến và bình xét khen thưởng hằng năm và đảm bảo mỗi đơn vị chỉ tham gia một cụm, khối thi đua thuộc tỉnh.

4. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp tình hình tổ chức phát động, ký kết giao ước thi đua và thực hiện các phong trào thi đua, các nhiệm vụ chính trị được giao của các đơn vị trong khối thi đua để tổng hợp chấm điểm, tổng kết phong trào thi đua, xếp hạng thi đua và đề nghị khen thưởng. Đơn vị nào không tham gia hoạt động của cụm, khối thi đua không xét khen thưởng; trong 02 năm liên tiếp không tham gia các hoạt động của cụm, khối thi đua sẽ không còn là thành viên của cụm, khối thi đua.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CỤM, KHỐI THI ĐUA

Điều 3. Các cụm, khối thi đua do UBND tỉnh quản lý

Cụm, khối thi đua do UBND tỉnh thành lập và trực tiếp quản lý gồm 01 cụm, 10 khối thi đua, cụ thể:

1. Cụm thi đua các huyện, thành phố (08 đơn vị);
2. Khối thi đua các cơ quan Đảng (10 đơn vị);
3. Khối thi đua các cơ quan nội chính (09 đơn vị);
4. Khối thi đua các cơ quan kinh tế - tổng hợp (08 đơn vị);
5. Khối thi đua các cơ quan kinh tế - kỹ thuật (11 đơn vị);
6. Khối thi đua các cơ quan văn hóa - xã hội (10 đơn vị);
7. Khối thi đua Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể (06 đơn vị);
8. Khối thi đua các doanh nghiệp Trung ương (08 đơn vị);
9. Khối thi đua các doanh nghiệp địa phương (07 đơn vị);

10. Khối thi đua các tổ chức Hội có tính đặc thù (12 đơn vị);

11. Khối thi đua các ngân hàng (08 đơn vị).

(Chi tiết tại Phụ lục I đính kèm)

Điều 4. UBND tỉnh ủy quyền thành lập, quản lý cụm, khối thi đua

UBND tỉnh ủy quyền cho các Sở: Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố thành lập, quản lý các cụm, khối thi đua trực thuộc như sau:

1. Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức 02 khối thi đua do sở trực tiếp quản lý, gồm các đơn vị sự nghiệp trực thuộc.

2. Sở Y tế tổ chức 02 khối thi đua, gồm các chi cục, đơn vị sự nghiệp trực thuộc.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức 01 khối thi đua, gồm các đơn vị sự nghiệp trực thuộc.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức 01 khối thi đua, gồm các chi cục, đơn vị sự nghiệp trực thuộc.

5. UBND các huyện, thành phố:

a) Tổ chức tại mỗi huyện, thành phố 01 cụm thi đua, gồm các xã, phường, thị trấn (cấp xã).

b) Mỗi huyện, thành phố tổ chức 03 khối thi đua, gồm các trường học tương ứng với 03 bậc học do địa phương quản lý. Đối với các huyện có nhiều trường liên cấp thì xem xét tổ chức khối thi đua cho tương đồng về chuyên môn và số lượng (không quá 03 khối) phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương và bảo đảm cho việc tổ chức tốt các phong trào thi đua.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động và chế độ làm việc của cụm, khối thi đua

1. Nguyên tắc tổ chức

a) Cụm, khối thi đua (sau đây gọi chung là khối thi đua) gồm có Trưởng khối, Phó Trưởng khối và các đơn vị thành viên. Trưởng khối, Phó Trưởng khối được các đơn vị trong khối thi đua lựa chọn, giới thiệu luân phiên hằng năm tại Hội nghị tổng kết năm thi đua của khối.

b) Trưởng khối, Phó Trưởng khối tổ chức điều hành hoạt động của khối thi đua ngay sau khi được giới thiệu.

2. Nguyên tắc hoạt động và chế độ làm việc của khối thi đua

a) Khối thi đua hoạt động theo nguyên tắc bình đẳng, tự giác, công khai, đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển. Khối thi đua làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số, theo sự chỉ đạo và hướng dẫn của UBND tỉnh.

b) Cơ quan (bộ phận) làm công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị Trưởng khối, Phó Trưởng khối làm nhiệm vụ thường trực giúp việc cho khối thi đua.

Điều 6. Nhiệm vụ của khối thi đua

1. Tổ chức thi đua giữa các đơn vị thành viên trong khối thi đua; triển khai thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua do UBND tỉnh, các cấp, các ngành phát động.

2. Trao đổi, học tập kinh nghiệm trong tổ chức phong trào thi đua, công tác khen thưởng; tổ chức tuyên truyền, giao lưu điển hình tiên tiến giữa các đơn vị trong khối thi đua.

3. Tổ chức sơ kết đánh giá kết quả công tác thi đua, khen thưởng 06 tháng đầu năm, triển khai nhiệm vụ 06 tháng cuối năm; tổng kết đánh giá công tác thi đua, khen thưởng năm, đề ra phương hướng nhiệm vụ cho năm sau; chấm điểm thi đua, bình xét, suy tôn các đơn vị trong khối có thành tích xuất sắc tiêu biểu đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng.

Điều 7. Nhiệm vụ của đơn vị Trưởng khối

1. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về hoạt động của khối thi đua. Có trách nhiệm phối hợp với Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) trong tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng và các hoạt động của khối thi đua.

2. Chủ trì, phối hợp với đơn vị Phó Trưởng khối thống nhất chương trình, kế hoạch thi đua của khối; xây dựng tiêu chí, thang điểm thi đua phù hợp với đặc điểm của khối; xây dựng hoặc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của khối.

3. Tổ chức điều hành mọi hoạt động của khối thi đua

a) Tổ chức ký kết giao ước thi đua giữa các đơn vị trong khối.

b) Theo dõi việc triển khai thực hiện phong trào thi đua của các đơn vị thành viên; chủ trì việc tổ chức kiểm tra chéo việc tổ chức thực hiện phong trào thi đua giữa các đơn vị thành viên.

c) Chủ trì tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết công tác thi đua của khối; phối hợp với đơn vị Phó Trưởng khối thẩm định kết quả chấm điểm của các đơn vị thành viên để phục vụ cho bình xét khen thưởng; tổ chức bình xét, suy tôn đơn vị xuất sắc tiêu biểu trong phong trào thi đua để đề nghị khen thưởng; hoàn chỉnh các thủ tục đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng cho các đơn vị xuất sắc được suy tôn.

d) Tổ chức các hoạt động chung của khối thi đua để các đơn vị thành viên trao đổi, học tập kinh nghiệm trong tổ chức phong trào thi đua, công tác khen thưởng và giao lưu điển hình tiên tiến giữa các đơn vị.

đ) Xây dựng báo cáo sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện phong trào thi đua của khối gửi UBND tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ).

e) Thực hiện các trách nhiệm và quyền hạn của một đơn vị thành viên trong khối thi đua.

Điều 8. Nhiệm vụ của đơn vị Phó Trưởng khối

1. Phối hợp chặt chẽ với đơn vị Trưởng khối trong chỉ đạo tổ chức các hoạt động và phong trào thi đua chung của khối; công việc cụ thể do đơn vị Trưởng khối phân công.

2. Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của một đơn vị thành viên khối thi đua.

Điều 9. Nhiệm vụ của các đơn vị thành viên

1. Căn cứ nhiệm vụ chính trị, chuyên môn, chỉ tiêu kế hoạch được giao cho đơn vị, nội dung phát động thi đua của tỉnh để xây dựng nội dung thi đua, tổ chức phát động thi đua phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

2. Xây dựng kế hoạch tổ chức phong trào thi đua trong năm, phát hiện gương người tốt, việc tốt, các mô hình, gương điển hình tiên tiến để bồi dưỡng và nhân rộng tại đơn vị, địa phương.

3. Tổ chức ký kết giao ước thi đua trong đơn vị; xây dựng các tiêu chí thi đua cụ thể; đảm bảo công khai, dân chủ, chính xác trong bình xét khen thưởng.

4. Tham gia xây dựng, ký kết giao ước thi đua của khối và tổ chức thực hiện các nội dung thi đua đã ký kết.

5. Thực hiện đầy đủ các nội dung do khối thi đua triển khai; tham gia đầy đủ, đúng thành phần các hoạt động của khối thi đua; tham gia xây dựng kế hoạch, quy chế hoạt động của khối thi đua; đề xuất những nội dung, giải pháp nhằm đẩy mạnh, đổi mới công tác thi đua, khen thưởng của khối thi đua.

6. Thực hiện đúng chế độ thông tin báo cáo; báo cáo kết quả thực hiện phong trào thi đua, công tác khen thưởng 06 tháng đầu năm và cả năm đảm bảo theo quy định; tự chấm điểm thi đua và gửi kết quả cho Trưởng khối và cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua- Khen thưởng tỉnh (các đơn vị thuộc các khối thi đua do các huyện, thành phố, các sở, ngành quản lý gửi các báo cáo, tài liệu liên quan cho cơ quan chủ quản tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định).

Điều 10. Nội dung hoạt động của khối thi đua

1. Tổ chức ký kết giao ước thi đua

a) Trên cơ sở các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc bộ, ngành, cơ quan chủ quản giao và tình hình thực tế của các đơn vị thành viên, đơn vị Trưởng khối thi đua xây dựng nội dung giao ước thi đua và tổ chức ký kết giao ước thi đua hằng năm. Thành phần tham gia ký giao ước thi đua là đại diện lãnh đạo các đơn vị trong khối thi đua.

b) Việc ký kết giao ước thi đua của khối thực hiện chậm nhất trong quý I của năm thi đua; đối với các khối trường học thuộc Ngành Giáo dục và Đào tạo thực hiện trong quý IV.

2. Xây dựng kế hoạch, quy chế hoạt động, bảng chấm điểm thi đua và tổ chức thực hiện

a) Căn cứ đặc điểm tình hình cụ thể của các đơn vị thành viên, Trưởng khối thi đua xây dựng dự thảo kế hoạch, quy chế hoạt động của khối để các đơn vị thành viên tham gia góp ý; sau khi thống nhất, ban hành để thực hiện.

b) Việc xây dựng bảng chấm điểm thi đua của khối thi đua trên cơ sở các tiêu chí thi đua và theo thang điểm chung do UBND tỉnh quy định tại Quy định này.

3. Tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện phong trào thi đua

a) Hằng năm, các khối thi đua thực hiện kiểm tra các đơn vị thành viên trong tổ chức thực hiện phong trào thi đua để rút kinh nghiệm, khắc phục những hạn chế và làm cơ sở trong chấm điểm, bình xét, suy tôn khen thưởng cuối năm. Đơn vị Trưởng khối thi đua xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm tra đã được khối thống nhất.

b) Nội dung kiểm tra gồm: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và ban hành các văn bản triển khai công tác thi đua, khen thưởng, tổ chức phong trào thi đua của đơn vị được kiểm tra; kết quả thực hiện các nội dung đã ký kết giao ước thi đua và công tác khen thưởng của đơn vị được kiểm tra; việc triển khai, tổ chức thực hiện phong trào thi đua; việc phát hiện, xây dựng, nhân rộng điển hình tiên tiến của đơn vị được kiểm tra.

c) Trưởng khối thi đua tổng hợp kết quả, gửi thông báo kết quả kiểm tra bằng văn bản về Ban Thi đua - Khen thưởng và các đơn vị thành viên, đồng thời tổ chức rút kinh nghiệm chung tại hội nghị tổng kết công tác thi đua khen thưởng của khối.

4. Tổ chức hội nghị sơ kết công tác thi đua, khen thưởng 06 tháng đầu năm

a) Đơn vị Trưởng khối thi đua phối hợp với đơn vị Phó Trưởng khối thống nhất về thời gian, địa điểm tổ chức sơ kết; chuẩn bị nội dung và chủ trì Hội nghị. Thành phần tham gia là lãnh đạo và bộ phận tham mưu giúp việc về thi đua, khen thưởng các đơn vị trong khối.

b) Nội dung: Đánh giá kết quả 06 tháng đầu năm thực hiện các nội dung giao ước thi đua đã ký kết; bàn các biện pháp triển khai thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua 06 tháng cuối năm; trao đổi các kinh nghiệm, học tập các điển hình tiên tiến của các đơn vị thành viên.

c) Thời gian hoàn thành trong tháng 7 hằng năm; Ngành Giáo dục và Đào tạo hoàn thành khi kết thúc học kỳ I.

5. Tổ chức hội nghị tổng kết công tác thi đua, khen thưởng hằng năm

a) Đơn vị Trưởng khối thi đua chủ trì, phối hợp với đơn vị Phó Trưởng khối thống nhất về thời gian, địa điểm, chuẩn bị nội dung và chủ trì hội nghị. Hội nghị chỉ được tổ chức khi có đủ 100% đại diện các đơn vị trong khối tham gia. Thành phần tham gia là lãnh đạo và bộ phận tham mưu giúp việc về thi đua, khen thưởng các đơn vị trong khối thi đua.

b) Nội dung: Đánh giá kết quả, tình hình thực hiện quy chế hoạt động, nội dung giao ước thi đua của khối thi đua và các đơn vị thành viên trong năm; bàn, thống nhất các biện pháp triển khai nhiệm vụ năm tới; thảo luận, đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng của các đơn vị thành viên; thảo luận, thống nhất kết quả chấm điểm thi đua của từng đơn vị trong khối; bình xét, suy tôn đơn vị xuất sắc tiêu biểu dẫn đầu và các đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua của khối thi đua để đề nghị xét tặng Cờ thi đua và Bằng khen; bầu Trưởng, Phó Trưởng khối thi đua cho năm tiếp theo; thống nhất nội dung tổ chức các hoạt động thi đua, tổ chức ký kết giao ước thi đua, phát động phong trào thi đua của khối.

c) Thời gian hoàn thành trong tháng 01 năm sau; Ngành Giáo dục và Đào tạo hoàn thành khi kết thúc năm học.

6. Hoạt động giao lưu văn hóa, thể thao, học tập trao đổi kinh nghiệm

Căn cứ tình hình thực tế, các khối thi đua tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, thể thao; học tập trao đổi kinh nghiệm chuyên môn, nghiệp vụ; kinh nghiệm tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng; công tác xây dựng, nhân rộng điển hình tiên tiến giữa các đơn vị thành viên trong khối.

Chương III
QUY ĐỊNH CHẤM ĐIỂM THI ĐUA
QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ VÀ BÌNH XÉT THI ĐUA

Điều 11. Xây dựng bảng chấm điểm thi đua

1. Căn cứ nhiệm vụ chủ yếu và đặc điểm tình hình cụ thể của các đơn vị thành viên, các khối thi đua thống nhất xây dựng bảng chấm điểm với các tiêu chí thi đua cụ thể để các đơn vị thành viên thực hiện. Bảng chấm điểm cần thể hiện được phần các đơn vị thành viên tự chấm và phần thẩm định của đơn vị Trưởng và Phó Trưởng khối. Thang điểm chung cho tất cả các khối thi đua là 1000 điểm, gồm các nội dung chính sau: I. Thi đua thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn (600 điểm); II. Kết quả thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước; xây dựng hệ thống chính trị (150 điểm); III. Thực hiện các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng (150 điểm); IV. Điểm thưởng (100 điểm).

(Mẫu theo Phụ lục II đính kèm)

2. Căn cứ những nội dung, tiêu chí chủ yếu quy định tại Quy định này, các khối thi đua xây dựng thang bảng điểm chi tiết của nội dung I, II để thực hiện. Trong quá trình xây dựng bảng chấm điểm, các khối thi đua có thể điều chỉnh thay thế, bổ sung một số tiêu chí quy định tại Điều 12, 13 Quy định này cho phù hợp với đặc thù của từng khối nhưng không vượt quá 20% số tiêu chí đã quy định trong từng nội dung. Sau khi đã thống nhất trong khối thi đua, đơn vị Trưởng khối ban hành bảng chấm điểm chính thức để tổ chức thực hiện. Hằng năm, các khối thi đua đánh giá lại các tiêu chí, thang điểm để điều chỉnh cho phù hợp. Tiêu chí và thang điểm của nội dung III thực hiện theo thang bảng điểm chi tiết tại Phụ lục II. Hằng năm căn cứ vào nhiệm vụ thi đua khen thưởng, các phong trào thi đua hiện hành do Trung ương và tỉnh phát động, Sở Nội vụ có thể hướng dẫn điều chỉnh thang điểm nhưng tổng số điểm không thay đổi và thông báo cho các cụm, khối thi đua trước thời gian cụm, khối thi đua triển khai chấm điểm.

3. Các khối thi đua Ngành Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố áp dụng bảng chấm điểm thi đua theo hướng dẫn của Sở Nội vụ.

Điều 12. Tiêu chí thi đua thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn

1. Đối với Cụm thi đua các huyện, thành phố bao gồm các tiêu chí chủ yếu sau:

- a) Thu ngân sách trên địa bàn (so với kế hoạch).
- b) Sản xuất nông - lâm nghiệp (so với kế hoạch).
- c) Giảm tỷ lệ hộ nghèo (so với kế hoạch).

d) Diện tích trồng rừng mới (so với kế hoạch).

đ) Kết quả thực hiện chỉ số cải cách hành chính (CCHC) hằng năm (nếu chưa có kết quả chính thức thì lấy kết quả dự ước; cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh sẽ thẩm định sau khi có kết quả chính thức).

e) Số người được giải quyết việc làm (so với kế hoạch).

f) Số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế (so với kế hoạch).

g) Xây dựng trường chuẩn quốc gia (so với kế hoạch).

h) Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

i) Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

k) Kết quả thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

l) Công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

m) Công tác quốc phòng, quân sự địa phương.

n) Công tác quản lý dịch bệnh đối với gia súc, gia cầm.

o) Công tác đảm bảo an toàn giao thông (theo 03 tiêu chí).

2. Đối với các khối thi đua của các sở ngành và tương đương bao gồm các tiêu chí chủ yếu sau:

a) Công tác tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo kế hoạch được giao.

b) Công tác tham mưu xây dựng các cơ chế chính sách, các giải pháp, chương trình, kế hoạch phục vụ công tác quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực.

c) Kết quả thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm khác được cấp có thẩm quyền giao trong năm.

d) Kết quả thực hiện những công việc đột xuất được UBND tỉnh giao trong năm.

đ) Kết quả công tác nghiên cứu, áp dụng các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến vào trong thực tiễn công tác của cơ quan, ngành, lĩnh vực.

e) Thực hiện công tác CCHC (đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh lấy kết quả thực hiện các chỉ số CCHC năm để tính điểm - nếu chưa có kết quả chính thức thì lấy kết quả dự ước; các cơ quan khác thì lấy kết quả thực hiện CCHC trong nội bộ cơ quan để tính điểm).

f) Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

g) Công tác đảm bảo an ninh trật tự tại cơ quan.

h) Kết quả xây dựng cơ quan, công sở văn hóa.

3. Đối với Khối thi đua các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các hội cấp tỉnh bao gồm các tiêu chí chủ yếu sau:

a) Kết quả thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm được cấp có thẩm quyền giao trong năm.

b) Công tác tham mưu hoạch định các chủ trương, chính sách cho Tỉnh ủy trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thuộc lĩnh vực cơ quan phụ trách.

c) Công tác xây dựng tổ chức bộ máy, thực hiện CCHC và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động điều hành.

d) Công tác tổ chức vận động quần chúng thực hiện các chủ trương của đảng, pháp luật nhà nước.

đ) Công tác nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức.

e) Công tác chỉ đạo, phối hợp trong việc tuyên truyền và tổ chức thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động.

f) Công tác đảm bảo an ninh trật tự tại cơ quan.

g) Kết quả xây dựng cơ quan, công sở văn hóa.

4. Đối với khối thi đua các doanh nghiệp bao gồm các tiêu chí chủ yếu sau:

a) Thực hiện các chỉ tiêu kinh tế như tốc độ tăng trưởng; doanh thu; năng suất lao động; lợi nhuận; nộp ngân sách và các chỉ tiêu khác.

b) Thực hiện các quy định của pháp luật đối người lao động về tiền lương, tiền công; chế độ nghỉ ngơi, chăm sóc sức khỏe; bảo hiểm xã hội...

c) Thực hiện các chính sách an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo.

d) Đảm bảo vệ sinh, môi trường trong sản xuất, kinh doanh.

đ) Đảm bảo an ninh trật tự tại công sở, nơi sản xuất kinh doanh.

e) Kết quả xây dựng đơn vị văn hóa.

f) Tham gia các hoạt động khác tại địa phương.

5. Đối với cụm thi đua các xã, phường, thị trấn: Giao UBND các huyện, thành phố vận dụng các tiêu chí của cụm thi đua các huyện, thành phố để hướng dẫn xây dựng tiêu chí chấm điểm phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương và chỉ đạo thực hiện.

6. Đối với khối các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Y tế; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Trên cơ sở các tiêu chí đối với khối thi đua các sở, ngành và tương đương quy định tại khoản 2 Điều này các khối thống nhất xây dựng tiêu chí phù hợp thay thế cho các nội dung liên quan đến nhiệm vụ quản lý nhà nước. Giao các sở theo dõi, kiểm tra việc xây dựng bảng chấm điểm của các khối.

Điều 13. Tiêu chí về kết quả thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước; xây dựng hệ thống chính trị

1. Tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước theo chỉ đạo của cấp trên.

2. Kết quả thực hiện việc học tập và làm tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị.

3. Việc chấp hành điều lệ Đảng, pháp luật Nhà nước của cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo các đơn vị, địa phương.

4. Kết quả công tác xây dựng Đảng (xếp loại Đảng bộ cấp huyện; hoặc tổ chức cơ sở Đảng đối với sở, ngành và tương đương; xếp loại đảng viên đối với cơ quan không có tổ chức Đảng); thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

5. Công tác xây dựng các tổ chức đoàn thể (nếu đơn vị có tổ chức đoàn thể).

Điều 14. Tiêu chí thi đua thực hiện các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác thi đua, khen thưởng

a) Triển khai kịp thời các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và chỉ đạo của UBND tỉnh, hướng dẫn của Sở Nội vụ về công tác thi đua, khen thưởng: Ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng hằng năm; ban hành quy định về công tác thi đua khen thưởng của đơn vị kịp thời, đúng quy định; thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của đơn vị đúng quy định về số, lượng, cơ cấu, có quy chế hoạt động phù hợp theo quy định hiện hành.

b) Có văn bản hướng dẫn và công nhận sáng kiến ở cơ sở theo quy định.

2. Tổ chức thực hiện phong trào thi đua

a) Tổ chức phát động, ký kết giao ước thi đua thường xuyên kịp thời.

b) Kết quả thực hiện phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh phát động.

c) Tổ chức thực hiện các phong trào thi đua khác do các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội hoặc đơn vị, địa phương phát động.

3. Công tác tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến

a) Có ban hành kế hoạch xây dựng, nhân rộng mô hình, gương điển hình tiên tiến của đơn vị.

b) Xây dựng được điển hình tiên tiến trong đơn vị và có nhiều hình thức tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến.

c) Giới thiệu được điển hình tiên tiến về Ban Thi đua - Khen thưởng để tổng hợp, lựa chọn tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.

4. Kết quả công tác khen thưởng

a) Thực hiện công tác khen thưởng đúng quy định; quan tâm khen thưởng theo thẩm quyền đối với các chuyên đề thi đua hoặc khen thưởng đột xuất.

b) Có tập thể, cá nhân được khen thưởng trong các đợt thi đua chuyên đề do các cấp, các ngành, tổ chức chính trị - xã hội phát động.

c) Có từ 70% cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên và người lao động đạt lao động tiên tiến trở lên, trong đó có ít nhất 01 người được Chiến sĩ thi đua cơ sở.

5. Duy trì quan hệ với các đơn vị thành viên và tích cực tham gia các hoạt động của khối thi đua; thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo đúng quy định.

Điều 15. Điểm thưởng, điểm trừ; trường hợp chưa hoặc không xét thi đua

1. Điểm thưởng tối đa là 100 điểm, thực hiện như sau:

a) Khối thi đua thống nhất về tiêu chí điểm thưởng cho nội dung I, II của bảng chấm điểm. Điểm do khối thi đua chấm tối đa 50 điểm.

b) Điểm do Ban Thi đua - Khen thưởng xét tối đa 50 điểm, gồm các nội dung sau:

Thưởng tối đa 30 điểm cho các đơn vị, địa phương có các nội dung thực hiện sáng tạo, có hiệu quả nổi bật trong tổ chức thực hiện các phong trào thi đua; thực hiện tốt việc phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng điển hình tiên tiến, có điển hình tiên tiến được UBND tỉnh lựa chọn để giới thiệu cho Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương tuyên truyền.

Thưởng tối đa 20 điểm đối với đơn vị, địa phương thực hiện tốt công tác khen thưởng: Khen thưởng kịp thời; quy trình, thủ tục hồ sơ khen thưởng chặt chẽ, đảm bảo quy định; quan tâm khen thưởng kịp thời cho tập thể, cá nhân, hộ gia đình có thành tích xuất sắc đột xuất.

Thưởng tối đa 10 điểm cho đơn vị Trưởng khối, 05 điểm cho đơn vị Phó Trưởng khối có cách làm đổi mới, sáng tạo, hiệu quả trong tổ chức hoạt động của Khối thi đua.

2. Điểm trừ tối đa là 50 điểm, thực hiện như sau:

a) Điểm trừ do khối thi đua xét tối đa 30 điểm, gồm các nội dung sau:

Đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức, người lao động vi phạm pháp luật bị truy tố, bị buộc thôi việc trừ 30 điểm; bị cảnh cáo, cách chức, giáng chức, bãi nhiệm, hạ bậc lương trừ 20 điểm; bị xử lý kỷ luật khiển trách hoặc xử phạt vi phạm hành chính trừ 10 điểm. Quyết định xử lý kỷ luật ký năm nào thì trừ điểm thi đua của năm đó.

Đơn vị thực hiện chưa nghiêm túc các quy định do khối thi đua đề ra như tham gia các hội nghị không đầy đủ, không đúng thành phần; không tham gia các hoạt động của khối; không gửi hoặc gửi không đúng thời gian các báo cáo thường kỳ hoặc tài liệu phục vụ cho công tác của khối... vi phạm mỗi nội dung trừ 05 điểm. Nội dung cụ thể do các khối quy định.

b) Điểm trừ do Ban Thi đua - Khen thưởng xét tối đa 20 điểm, gồm các nội dung sau:

Trừ tối đa 20 điểm đối với đơn vị, địa phương trong năm bị cơ quan có thẩm quyền kết luận thực hiện chưa đúng các quy định về thi đua, khen thưởng.

Trừ tối đa 20 điểm đối với đơn vị, địa phương trong năm còn có sai sót trong việc lập hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp tỉnh như: Trình khen thưởng cho tập thể, cá nhân không đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định; nội dung đề nghị khen thưởng không cụ thể, rõ ràng, phù hợp với thành tích của tập thể, cá nhân đạt được; báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân còn sơ sài, không đầy đủ nội dung theo quy định; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng khi xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng biểu quyết bằng hình thức giơ tay, không thực hiện đúng quy định là bỏ phiếu kín...

Trừ tối đa 10 điểm đối với đơn vị thực hiện chưa nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo liên quan lĩnh vực thi đua, khen thưởng theo yêu cầu của UBND tỉnh, Sở Nội vụ.

3. Chưa xét thi đua đối với đơn vị có dấu hiệu sai phạm đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền thanh tra, điều tra hoặc đang xem xét, kết luận.

4. Không xét thi đua (đề nghị khen thưởng) đối với đơn vị, địa phương không tham gia ký kết giao ước thi đua hoặc có công chức, viên chức, người lao động vi phạm pháp luật bị xử lý kỷ luật với hình thức cách chức, buộc thôi việc hoặc bị truy tố hình sự.

Điều 16. Phương pháp chấm điểm

1. Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn, chỉ tiêu, kế hoạch được giao, các đơn vị thành viên tự chấm điểm theo các tiêu chí thi đua và thang điểm đã được khôi thông qua trong năm. Việc tự chấm điểm thi đua phải dựa vào kết quả có các số liệu cụ thể về tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn và các nội dung liên quan khác (thực hiện các chủ trương của Đảng, pháp luật Nhà nước; thực hiện các phong trào thi đua và công tác khen thưởng) của địa phương, đơn vị. Kết quả tự chấm điểm và các tài liệu minh chứng được gửi cho đơn vị Trưởng khối trước ngày tổ chức hội nghị tổng kết ít nhất là 10 ngày làm việc để thẩm định và tổng hợp báo cáo, bình xét khen thưởng tại hội nghị.

2. Thẩm định kết quả chấm điểm thi đua

a) Đơn vị Trưởng khối thi đua phối hợp với đơn vị Phó Trưởng khối căn cứ thang điểm quy định, tổ chức rà soát, thẩm định điểm các đơn vị tự chấm và thống nhất đánh giá điểm thi đua của từng đơn vị trong khối. Quá trình thẩm định nếu có sự chênh lệch với điểm tự chấm của các đơn vị thì trao đổi hoặc yêu cầu giải trình, cung cấp thêm tài liệu để chứng minh kết quả thực hiện các tiêu chí thi đua. Trường hợp cần thiết, đơn vị Trưởng khối tổ chức họp với các đơn vị thành viên để thống nhất kết quả chấm điểm thi đua sau khi đã thẩm định.

b) Trưởng khối thi đua gửi bảng tổng hợp kết quả chấm điểm thi đua sau khi đã thẩm định và bảng chấm điểm chi tiết từng nội dung của các đơn vị thành viên về Ban Thi đua - Khen thưởng ít nhất 07 ngày làm việc trước khi tổ chức hội nghị tổng kết. Ban Thi đua - Khen thưởng thực hiện rà soát, thẩm định kết quả chấm điểm của Khối thi đua; chấm điểm thưởng, điểm trừ đối với các đơn vị theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 15 Quy định này. Trong quá trình thẩm định nếu có yêu cầu thì các đơn vị trong khối có trách nhiệm cung cấp các văn bản minh chứng chấm điểm cho Ban Thi đua - Khen thưởng. Ban Thi đua - Khen thưởng thông báo kết quả chấm điểm cho đơn vị Trưởng khối. Đơn vị Trưởng khối có trách nhiệm thông báo cho các đơn vị thành viên trong khối thi đua; giải quyết những thắc mắc, khiếu nại (nếu có) trước khi tổ chức hội nghị tổng kết. Điểm sau khi thống nhất giữa Ban Thi đua - Khen thưởng với khối thi đua là điểm cuối cùng được sử dụng để bình xét khen thưởng.

c) Đối với các khối thi đua UBND tỉnh ủy quyền cho các sở, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố thành lập theo quy định tại Điều 4 Quy định này thì giao các sở, UBND các huyện, thành phố thẩm định kết quả chấm điểm của khối thi đua thuộc quyền quản lý và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số điểm cuối cùng để xét khen thưởng.

Điều 17. Tổ chức bình xét thi đua và đề nghị khen thưởng

1. Nguyên tắc bình xét thi đua và đề nghị khen thưởng

a) Việc tổ chức bình xét thi đua được thực hiện khi tổng kết công tác thi đua hằng năm (kết thúc năm; riêng Ngành Giáo dục và Đào tạo tính theo năm học) do đơn vị trưởng khối thi đua chủ trì.

b) Việc bình xét phải đảm bảo bình đẳng, công khai, dân chủ, khách quan và tạo được sự nhất trí cao giữa các đơn vị trong khối thi đua.

c) Việc bình xét dựa trên cơ sở kết quả chấm điểm thi đua của các đơn vị thành viên. Đơn vị được đề nghị khen thưởng phải thực sự là đơn vị tiêu biểu trong phong trào thi đua của khối và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Hình thức và số lượng đề nghị khen thưởng

a) Cờ thi đua: Mỗi khối thi đua được đề nghị tặng Cờ thi đua cho 01 đơn vị tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu phong trào thi đua hằng năm của khối.

b) Bằng khen: Khối thi đua có có dưới 10 đơn vị được đề nghị 02 đơn vị; khối thi đua có từ 10 đến 15 đơn vị được đề nghị 03 đơn vị; khối thi đua có từ 16 đơn vị trở lên được đề nghị 04 đơn vị.

3. Tổ chức bình xét khen thưởng

a) Các khối thi đua tổ chức bình xét, lựa chọn các đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua, hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị khen thưởng.

b) UBND các huyện, thành phố chỉ đạo bình xét, lựa chọn các đơn vị xuất sắc của Cụm thi đua các xã, phường, thị trấn và các khối thi đua của ngành Giáo dục và Đào tạo trực thuộc huyện, thành phố đề nghị khen thưởng.

c) Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Y tế; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo bình xét, lựa chọn các đơn vị xuất sắc của các khối thi đua trực thuộc đề nghị khen thưởng.

4. Trình tự bình xét khen thưởng

a) Tại hội nghị tổng kết năm, Trưởng khối thi đua thông qua kết quả chấm điểm thi đua sau khi đã thẩm định.

b) Căn cứ vào kết quả chấm điểm thi đua cuối cùng, khối đề nghị tặng Cờ thi đua cho đơn vị có số điểm cao nhất; sau đó lần lượt đề nghị tặng Bằng khen cho các đơn vị có số điểm cao thấp hơn liên kế cho đến hết số lượng khen thưởng theo quy định. Đơn vị được đề nghị khen thưởng phải đạt từ 800 điểm trở lên, trong đó điểm của nội dung I “Kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn” phải đạt từ 500 điểm trở lên.

Về bỏ phiếu, suy tôn để tặng Cờ thi đua: Đơn vị có số điểm cao nhất đủ điều kiện được đề nghị khen thưởng được đưa vào danh sách bỏ phiếu.

Về bỏ phiếu suy tôn tặng Bằng khen: Lựa chọn các đơn vị còn lại theo số điểm từ cao trở xuống, có đủ điều kiện được đề nghị khen thưởng theo chỉ tiêu tặng Bằng khen quy định tại khoản 2 Điều này để tiến hành bỏ phiếu.

Trường hợp có từ 02 đơn vị trở lên trong khung chỉ tiêu có số điểm bằng nhau thì đều được đưa vào danh sách bỏ phiếu kín để chọn đơn vị có số phiếu cao hơn đề nghị khen thưởng.

Kết quả bỏ phiếu được công bố công khai tại hội nghị. Các đơn vị được suy tôn phải đạt từ 75% số phiếu tán thành (tính trên tổng số đơn vị thành viên tham gia cụm/khối).

c) Kết thúc hội nghị tổng kết, đơn vị Trưởng khối thi đua (của năm xét thi đua) và các đơn vị được đề nghị khen thưởng hoàn chỉnh thủ tục đề nghị khen thưởng trình cấp có thẩm quyền xét khen thưởng theo quy định.

Điều 18. Quy định về hồ sơ, thời gian nộp hồ sơ

1. Hồ sơ đề nghị tặng Cờ thi đua, Bằng khen do khối thi đua lập gồm:

- a) Văn bản đề nghị của khối thi đua.
- b) Biên bản họp xét của khối thi đua.
- c) Báo cáo thành tích của đơn vị được đề nghị khen thưởng.

2. Hồ sơ đề nghị tặng Cờ thi đua, Bằng khen do các huyện, thành phố, sở, ngành có cụm, khối thi đua trực thuộc lập gồm:

- a) Văn bản đề nghị khen thưởng.
- b) Biên bản họp xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng.

c) Báo cáo thành tích của đơn vị được đề nghị khen thưởng.

3. Thời gian nộp hồ sơ theo hướng dẫn của Sở Nội vụ.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 19. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc Tỉnh ủy, các đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy; các sở, ban, ngành và tương đương; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể cấp tỉnh, hội cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các tổ chức kinh tế tham gia các khối thi đua của tỉnh; Trưởng các cụm, khối thi đua hàng năm có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm thành lập và chỉ đạo tổ chức, hướng dẫn hoạt động các cụm, khối thi đua thuộc quyền quản lý (Quyết định thành lập cụm, khối thi đua và các văn bản chỉ đạo tổ chức, hướng dẫn hoạt động các cụm, khối thi đua gửi Sở Nội vụ để theo dõi).

3. Sở Nội vụ có trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung nội dung Quy định; sắp xếp bổ sung các đơn vị mới lần đầu đăng ký tham gia các khối thi đua hoặc điều chỉnh tổ chức các khối thi đua khi cần thiết./.

Phụ lục I
CÁC CỤM, KHỐI THI ĐUA DO UBND TỈNH THÀNH LẬP VÀ QUẢN LÝ

I. CỤM THI ĐUA CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ

1. Huyện Ba Bể.
2. Huyện Bạch Thông.
3. Huyện Chợ Đồn.
4. Huyện Chợ Mới.
5. Huyện Na Rì.
6. Huyện Ngân Sơn.
7. Huyện Pác Nặm.
8. Thành phố Bắc Kạn.

II. KHỐI THI ĐUA CÁC CƠ QUAN ĐẢNG

1. Văn phòng Tỉnh ủy.
2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy.
3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.
4. Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.
5. Ban Dân vận Tỉnh ủy.
6. Báo Bắc Kạn.
7. Cơ quan Đảng ủy Các cơ quan tỉnh.
8. Trường Chính trị tỉnh.
9. Ban Bảo vệ và Chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh.
10. Ban Nội chính Tỉnh ủy.

III. KHỐI THI ĐUA CÁC CƠ QUAN NỘI CHÍNH

1. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.
2. Công an tỉnh.
3. Sở Tư pháp.
4. Thanh tra tỉnh.
5. Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn.
6. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

7. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn.

8. Sở Nội vụ.

9. Cục Quản lý thị trường tỉnh Bắc Kạn.

IV. KHỐI THI ĐUA CÁC CƠ QUAN KINH TẾ - TỔNG HỢP

1. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Văn phòng UBND tỉnh.

3. Sở Tài chính.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư.

5. Cục Thống kê.

6. Kho bạc Nhà nước Bắc Kạn.

7. Cục Thuế tỉnh.

8. Chi cục Hải quan Bắc Kạn.

V. KHỐI THI ĐUA CÁC CƠ QUAN KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Sở Giao thông vận tải.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Sở Xây dựng.

5. Sở Công Thương.

6. Vườn Quốc gia Ba Bể.

7. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh.

8. Quỹ Phát triển đất, rừng và bảo vệ môi trường tỉnh.

9. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh.

10. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh.

11. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh.

VI. KHỐI THI ĐUA CÁC CƠ QUAN VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Sở Giáo dục và Đào tạo.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Sở Y tế.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
5. Bảo hiểm Xã hội tỉnh.
6. Đài Phát thanh và Truyền hình Bắc Kạn.
7. Trường Cao đẳng Bắc Kạn.
8. Sở Khoa học và Công nghệ.
9. Sở Thông tin và Truyền thông.
10. Ban Dân tộc tỉnh.

VII. KHỐI THI ĐUA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC ĐOÀN THỂ

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.
2. Hội Nông dân tỉnh.
3. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh.
4. Hội Cựu chiến binh tỉnh.
5. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh.
6. Liên đoàn Lao động tỉnh.

VIII. KHỐI THI ĐUA CÁC DOANH NGHIỆP TRUNG ƯƠNG

1. Bưu điện tỉnh.
2. Công ty Điện lực Bắc Kạn.
3. Chi nhánh Xăng dầu Bắc Kạn.
4. Công ty Bảo Việt Bắc Kạn.
5. Viễn thông Bắc Kạn.
6. Chi nhánh Viettel Bắc Kạn.
7. Chi nhánh Công nghiệp hóa chất mỏ.
8. Mobifone tỉnh Bắc Kạn.

IX. KHỐI THI ĐUA CÁC DOANH NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG

1. Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng giao thông Bắc Kạn.
2. Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.
3. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bắc Kạn.
4. Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Bắc Kạn.
5. Công ty Cổ phần Chợ Bắc Kạn.

6. Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xổ số kiến thiết tỉnh Bắc Kạn.

7. Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý khai thác công trình thủy lợi Bắc Kạn.

X. KHỐI THI ĐUA CÁC TỔ CHỨC HỘI

1. Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh.

2. Hội Chữ thập đỏ tỉnh.

3. Hội Khuyến học tỉnh.

4. Hội Đông y tỉnh.

5. Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

6. Hội Cựu Thanh niên xung phong tỉnh.

7. Ban đại diện Hội Người cao tuổi tỉnh.

8. Hội Bảo trợ người khuyết tật và Bảo vệ quyền trẻ em tỉnh.

9. Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin tỉnh.

10. Hội Luật gia tỉnh.

11. Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật tỉnh.

12. Hội Nhà báo tỉnh.

XI. KHỐI THI ĐUA CÁC NGÂN HÀNG

1. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn.

2. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn.

3. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bắc Kạn.

4. Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển chi nhánh Bắc Kạn.

5. Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương chi nhánh Bắc Kạn.

6. Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt chi nhánh Bắc Kạn.

7. Phòng giao dịch Bắc Kạn, Chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực Bắc Kạn. - Thái Nguyên.

8. Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bắc Kạn.

Phụ lục II
MẪU BẢNG CHẤM ĐIỂM THI ĐUA CỤM, KHỐI

| Số TT | Nội dung chỉ tiêu thi đua | Đơn vị tính | NĂM ... | | ĐIỂM | | | |
|------------|---|-------------|----------|-----------|------------|----------------|--------------|------------------------|
| | | | Kế hoạch | Thực hiện | Điểm chuẩn | Cách tính điểm | Điểm tự chấm | Điểm khối thi đua chấm |
| I | TIÊU CHÍ THI ĐUA THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ, NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN | | | | 600 | | | |
| 1 | ... | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | |
| ... | ... | | | | | | | |
| II | KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC, XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ | | | | 150 | | | |
| 1 | ... | | | | | | | |
| 2 | ... | | | | | | | |
| ... | ... | | | | | | | |
| III | KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG | | | | 150 | | | |
| 1 | Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác thi đua, khen thưởng | | | | 30 | | | |

| Số TT | Nội dung chỉ tiêu thi đua | Đơn vị tính | NĂM ... | | ĐIỂM | | | |
|-------|---|-------------|----------|-----------|------------|----------------|--------------|------------------------|
| | | | Kế hoạch | Thực hiện | Điểm chuẩn | Cách tính điểm | Điểm tự chấm | Điểm khối thi đua chấm |
| 1.1 | - Triển khai kịp thời các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và chỉ đạo của UBND tỉnh, hướng dẫn của Sở Nội vụ về công tác thi đua, khen thưởng | | | | 20 | | | |
| | + Ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng hằng năm | | | | 10 | | | |
| | + Ban hành quy định về công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị kịp thời, đúng quy định; có tiêu chí thi đua cho tập thể và cá nhân của đơn vị | | | | 05 | | | |
| | + Thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của đơn vị đúng quy định về số, lượng, cơ cấu, có quy chế hoạt động phù hợp với các quy định hiện hành | | | | 05 | | | |
| 1.2 | - Có văn bản hướng dẫn công nhận sáng kiến ở cơ sở theo quy định | | | | 10 | | | |
| 2 | Tổ chức thực hiện các phong trào thi đua | | | | 60 | | | |
| 2.1 | Tổ chức phát động và ký kết giao ước thi đua thường xuyên kịp thời | | | | 10 | | | |

| Số TT | Nội dung chỉ tiêu thi đua | Đơn vị tính | NĂM ... | | ĐIỂM | | | |
|-------|---|-------------|----------|-----------|------------|----------------|--------------|------------------------|
| | | | Kế hoạch | Thực hiện | Điểm chuẩn | Cách tính điểm | Điểm tự chấm | Điểm khối thi đua chấm |
| 2.2 | Kết quả thực hiện các phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh phát động | | | | 40 | | | |
| a | Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021 - 2025 | | | | 10 | | | |
| | - Có văn bản hưởng ứng với nội dung, tiêu chí cụ thể | | | | 05 | | | |
| | - Có sơ kết, tổng kết phong trào theo quy định và xét khen thưởng | | | | 05 | | | |
| b | Phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” giai đoạn 2021 - 2025 | | | | 10 | | | |
| | - Có văn bản hưởng ứng với nội dung, tiêu chí cụ thể | | | | 05 | | | |
| | - Có sơ kết, tổng kết phong trào theo quy định và xét khen thưởng | | | | 05 | | | |
| c | Phong trào thi đua “Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí” giai đoạn 2021 - 2025 | | | | 10 | | | |

| Số TT | Nội dung chỉ tiêu thi đua | Đơn vị tính | NĂM ... | | ĐIỂM | | | |
|-------|---|-------------|----------|-----------|------------|----------------|--------------|------------------------|
| | | | Kế hoạch | Thực hiện | Điểm chuẩn | Cách tính điểm | Điểm tự chấm | Điểm khối thi đua chấm |
| | - Có văn bản hưởng ứng với nội dung, tiêu chí cụ thể | | | | 05 | | | |
| | - Có sơ kết, tổng kết phong trào theo quy định và xét khen thưởng | | | | 05 | | | |
| d | Phong trào thi đua “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở” | | | | 10 | | | |
| | - Có văn bản hưởng ứng với nội dung, tiêu chí cụ thể | | | | 05 | | | |
| | - Có sơ kết, tổng kết phong trào theo quy định và xét khen thưởng | | | | 05 | | | |
| 2.3 | Tổ chức thực hiện các phong trào thi đua khác do các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội hoặc đơn vị, địa phương phát động | | | | 10 | | | |
| | - Có kế hoạch, tên gọi, nội dung, chủ đề, tiêu chí thi đua cụ thể | | | | 05 | | | |
| | - Có báo cáo sơ kết, tổng kết, đánh giá và xét khen thưởng | | | | 05 | | | |

| Số TT | Nội dung chỉ tiêu thi đua | Đơn vị tính | NĂM ... | | ĐIỂM | | | |
|-------|--|-------------|----------|-----------|------------|----------------|--------------|------------------------|
| | | | Kế hoạch | Thực hiện | Điểm chuẩn | Cách tính điểm | Điểm tự chấm | Điểm khối thi đua chấm |
| 3 | Công tác tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến | | | | 30 | | | |
| 3.1 | - Có ban hành kế hoạch xây dựng, nhân rộng mô hình, gương điển hình tiên tiến của đơn vị | | | | 15 | | | |
| 3.2 | - Xây dựng được điển hình tiên tiến trong đơn vị và có nhiều hình thức tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến | | | | 10 | | | |
| 3.3 | - Giới thiệu được điển hình tiên tiến về Ban Thi đua - Khen thưởng để tổng hợp, lựa chọn tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng | | | | 5 | | | |
| 4 | Kết quả công tác khen thưởng | | | | 20 | | | |
| | - Thực hiện công tác khen thưởng đúng quy định, quan tâm khen thưởng đối với người làm chuyên môn nghiệp vụ | | | | 10 | | | |
| | - Có tập thể, cá nhân được khen thưởng trong các đợt thi đua chuyên đề do các cấp, các ngành, tổ chức chính trị - xã hội phát động | | | | 05 | | | |

| Số TT | Nội dung chỉ tiêu thi đua | Đơn vị tính | NĂM ... | | ĐIỂM | | | |
|-----------|--|-------------|----------|-----------|---|----------------|--------------|------------------------|
| | | | Kế hoạch | Thực hiện | Điểm chuẩn | Cách tính điểm | Điểm tự chấm | Điểm khối thi đua chấm |
| | - Có từ 70% cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên và người lao động đạt lao động tiên tiến trở lên, trong đó có ít nhất 01 người được Chiến sĩ thi đua cơ sở | | | | 05 (nếu không có người được Chiến sĩ thi đua cơ sở thì chấm 03 điểm) | | | |
| 5 | Duy trì quan hệ với các đơn vị thành viên và tích cực tham gia các hoạt động của khối thi đua; thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo đúng quy định | | | | 10 | | | |
| | TỔNG ĐIỂM (I + II + III) | | | | | | | |
| IV | ĐIỂM THƯỞNG | | | | 100 | | | |
| ... | ... | | | | | | | |
| V | ĐIỂM TRỪ | | | | | | | |
| ... | ... | | | | | | | |
| | TỔNG ĐIỂM | | | | 1.000 | | | |